

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2007

Toàn Công ty

STT	NỘI DUNG	MÃ SỐ	SỐ CUỐI KÌ	SỐ ĐẦU NĂM
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	70.674.222.626	66.951.439.179
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>3.158.241.928</i>	<i>7.059.090.318</i>
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>30.976.883.831</i>	<i>30.627.021.297</i>
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>33.798.671.813</i>	<i>29.044.575.238</i>
<i>V</i>	<i>Tài sản Ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>2.740.425.054</i>	<i>220.752.326</i>
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	8.758.727.827	8.703.789.634
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	<i>7.211.571.896</i>	<i>7.131.857.487</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	5.425.387.177	6.065.168.588
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
3	Tài sản cố định vô hình	227	779.315.653	804.315.652
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (241)	230	1.006.869.066	262.373.247
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		
<i>IV</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	<i>1.547.155.931</i>	<i>1.571.932.147</i>
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270	79.432.950.453	75.655.228.813
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300	60.191.929.549	56.195.155.072
<i>I</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>	<i>57.282.571.792</i>	<i>53.237.631.173</i>
<i>II</i>	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>320</i>	<i>2.909.357.757</i>	<i>2.957.523.899</i>
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400	19.241.020.904	19.460.073.741
<i>I</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>19.151.020.904</i>	<i>18.795.006.196</i>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10.000.000.000	10.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		
3	Cổ phiếu ngân quỹ	413		
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		
6	Quỹ đầu tư phát triển	416	2.071.042.207	2.071.042.207
7	Quỹ dự phòng tài chính	417	146.076.645	146.076.645
8	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		
9	Lợi nhuận chưa phân phối	419	6.933.902.052	6.577.887.344
<i>II</i>	<i>Nguồn kinh phí</i>	<i>420</i>	<i>90.000.000</i>	<i>665.067.545</i>
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		575.067.545
2	Nguồn kinh phí	422	90.000.000	90.000.000
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)		430	79.432.950.453	75.655.228.813

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2007

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thu Hường

Lê Thị Thiên Kim

Đỗ Duy Tháp

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Quý I/2007

Phần I - Lãi lỗ

Toàn Công ty

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	KÌ BÁO CÁO	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	11.507.214.893	11.507.214.893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	280.649.242	280.649.242
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-2)	10	11.226.565.651	11.226.565.651
4. Giá vốn hàng bán	11	9.285.942.175	9.285.942.175
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	1.909.765.582	1.909.765.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15.805.086	15.805.086
7. Chi phí tài chính	22	452.444.909	452.444.909
Trong đó : Chi phí lãi vay	23	452.444.909	452.444.909
8. Chi phí bán hàng	24	-	
9. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25	879.073.808	879.073.808
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD 30=20+(21-22)-(24-25)	30	594.051.951	594.051.951
11. Thu nhập khác	31	-	
12. Chi phí khác	32	-	
13. Lợi tức khác (40=31-32)	40	-	
14 - Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50	594.051.951	594.051.951
15- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	-	
16 - Lợi nhuận sau thuế (70=50-60)	70	594.051.951	594.051.951
17- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		594,052	594,052
18- Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		475,241	475,241

LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hường

Lê Thị Thiên Kim

Đỗ Duy Tháp